

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 12/2012/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 26 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp
vật liệu xây dựng tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2012 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 121/2008/QĐ-CP ngày 29/8/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020; Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 25/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2012 - 2020, với nội dung chính như sau:

1. Quan điểm và mục tiêu Quy hoạch:

a) Quan điểm:

- Quy hoạch sản xuất vật liệu xây dựng phải gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành công nghiệp, quy hoạch đất đai, quy hoạch đô thị, quy hoạch kết cấu hạ tầng của tỉnh. Phù hợp với quy hoạch tổng thể ngành công nghiệp vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và các quy hoạch khác có liên quan, đảm bảo tính khoa học và khả thi cao. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng phải gắn liền với quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng để đảm bảo bền vững, gắn hiệu quả kinh tế với vấn đề xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử, an ninh quốc phòng và môi trường.

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở phát huy nội lực của ngành và của tỉnh, sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, lao động và nguồn lực cho đầu tư phát triển các thành phần kinh tế. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng trên cơ sở phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế cùng phát triển, chống độc quyền, kích thích cạnh tranh lành mạnh trong sản xuất, tạo động lực để cải tiến công nghệ, cải tiến công tác quản lý, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và nước ngoài; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển vật liệu xây dựng theo quy hoạch.

- Tập trung đầu tư chiều sâu công nghệ và phát triển sản xuất sản phẩm có thể mạnh của tỉnh là xi măng và khai thác, chế biến khoáng sản. Chú trọng phát triển sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng mới có chất lượng và giá trị tăng cao nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng của tỉnh, cung ứng cho thị trường lân cận và xuất khẩu. Đồng thời sản xuất các loại vật liệu xây dựng có nguồn nguyên liệu tại chỗ như gạch ngói, bê tông, đá xây dựng, gạch không nung nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng của tỉnh.

b) Mục tiêu quy hoạch:

- Mục tiêu tổng quát:

Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng tiêu dùng trên tất cả các lĩnh vực xây dựng của tỉnh và cung cấp các sản phẩm vật liệu xây dựng có thể mạnh ra các tỉnh lân cận và xuất khẩu; đồng thời phát huy lợi thế về nguồn nguyên liệu, tiềm năng lao động và vị trí địa lý thuận lợi của tỉnh. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng nhằm thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hóa ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ, tăng nguồn thu ngân sách cho tỉnh, tạo tích lũy cho tái sản xuất mở rộng và giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, cải thiện đời sống nhân dân. Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ tiên tiến tạo ra sản phẩm có chất lượng cao; chủng loại vật liệu xây dựng mới mà thị trường có nhu cầu, tiêu hao nguyên liệu và năng lượng thấp, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Đạt sản lượng vật liệu xây dựng như nhu cầu đã dự báo; đối với các sản phẩm có giá trị kinh tế cao và có lợi thế về thị trường tiêu thụ (cát, sỏi xây dựng, gạch ốp lát các loại, sứ vệ sinh...) cần chú trọng đầu tư phát triển, đưa sản lượng cao hơn so với nhu cầu để mở rộng thị trường ra ngoài tỉnh và xuất khẩu.

+ Nâng giá trị sản xuất ngành công nghiệp vật liệu xây dựng đến năm 2020 gấp 2 ÷ 4 lần so với hiện nay và chiếm tỷ trọng khoảng 16 ÷ 18% trong giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn.

- Thu hút khoảng 3.500 ÷ 4.000 lao động mới vào làm việc trong ngành vật liệu xây dựng.

2. Nội dung Quy hoạch:

2.1. Phương án Quy hoạch công nghiệp vật liệu xây dựng tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2012 - 2020;

a) Xi măng:

- Giai đoạn đến 2015: Tiếp tục đầu tư, đưa vào sản xuất ổn định, đạt công suất thiết kế của các cơ sở sản xuất xi măng đã có; đầu tư xây dựng mới cơ sở Yên Mao, huyện Thanh Thủy công suất 910.000 tấn/năm. Tổng sản lượng giai đoạn này khoảng $2,0 \div 2,5$ triệu tấn xi măng/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Tiếp tục duy trì sản xuất xi măng của các nhà máy; đầu tư mở rộng, nâng công suất nhà máy xi măng Sông Thao lên 2 triệu tấn/năm; do rời nhà máy xi măng Hữu Nghị tại khu công nghiệp Thụy Vân về cơ sở Yên Mao. Tổng sản lượng đạt khoảng 3,5 triệu tấn xi măng/năm vào năm 2020.

b) Vật liệu xây:

- Giai đoạn đến 2015:

+ Gạch nung: Phát huy hết công suất của các cơ sở sản xuất gạch hiện có; đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất gạch công nghệ lò tuynel hoặc sản xuất theo công nghệ tiên tiến khác với quy mô thích hợp; các cơ sở sản xuất duy trì và ổn định sản xuất để đạt sản lượng 700 - 750 triệu viên gạch nung vào năm 2015.

+ Gạch không nung: Hoàn thiện và đầu tư xây dựng thêm các dự án sản xuất gạch bê tông khí chưng áp, gạch bê tông nhẹ (bê tông bọt), gạch không nung và sản xuất tại các khu - cụm công nghiệp phần đầu đạt sản lượng 200 triệu viên gạch xây không nung (QTC) thay thế gạch xây đất nung vào năm 2015, chiếm khoảng 20% nhu cầu vật liệu xây trên địa bàn tỉnh.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Gạch nung: Phát huy năng lực sản xuất của các cơ sở sản xuất gạch nung bằng lò tuynel hoặc công nghệ tương đương để đạt sản lượng 800 - 850 triệu viên gạch nung vào năm 2020.

+ Gạch không nung: Hoàn thành và đưa vào hoạt động hết công suất thiết kế của các cơ sở sản xuất gạch không nung đầu tư giai đoạn 2012 - 2015; đồng thời, mở rộng quy mô đầu tư, nâng công suất đầu tư của các cơ sở thuộc các địa bàn: Thị xã Phú Thọ và huyện Tân Sơn; đảm bảo nguồn cung cho thị trường năm 2020 đạt khoảng 300 - 400 triệu viên QTC/năm.

c) Vật liệu lợp:

- Giai đoạn đến 2015:

+ Ngói nung: Tiếp tục sản xuất ngói kết hợp tại các cơ sở sản xuất gạch tuynel với sản lượng là 400.000 viên, tương ứng $17.200m^2$.

+ Tấm lợp Fibro - xi măng: Phát huy năng lực sản xuất, thay thế công nghệ hiện tại bằng công nghệ sản xuất tấm lợp không amiăng.

+ Dự kiến đầu tư mới cơ sở sản xuất tấm lợp bằng cốt liệu sợi PVA tại khu công nghiệp Thụy Vân. Sản lượng 1,0 triệu m²/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Tiếp tục sản xuất ngói nung tại các cơ sở sản xuất hiện có để đạt công suất 1 - 1,5 triệu viên.

+ Các cơ sở sản xuất tấm lợp phát huy hết công suất thiết kế để đạt sản lượng như dự báo.

d) Đá xây dựng:

- Giai đoạn đến 2015:

+ Phát huy năng lực sản xuất để đạt sản lượng đá xây dựng 900 ÷ 950 ngàn m³.

+ Đầu tư mới 1 cơ sở sản xuất đá ở Hạ Hòa; 1 cơ sở sản xuất đá ở Yên Lập; 2 cơ sở sản xuất đá ở Tân Sơn. Tổng công suất 240.000m³/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Nâng công suất của các cơ sở sản xuất đá ở Tân Sơn lên 100.000m³/năm.

+ Các cơ sở khai thác đá hoạt động theo công suất thiết kế để đảm bảo sản lượng đủ đáp ứng yêu cầu trên địa bàn tỉnh.

e) Cát xây dựng:

- Giai đoạn đến 2015:

+ Các cơ sở khai thác cát tiếp tục khai thác trong ranh giới trên mặt, dưới sâu của mỏ đã được cấp phép và theo công suất thiết kế.

+ Đưa các mỏ mới vào hoạt động khai thác tại Việt Trì (Minh Nông, Tân Đức); Lâm Thao (TT Lâm Thao, xã Thạch Sơn); Cẩm Khê (Cát Trù, Tuy Lộc, TT Sông Thao); Hạ Hòa (TT Hạ Hoà, xã Chuế Lưu); Thanh Thủy (La Phù, Thạch Đồng, Yên Mao, Tu Vũ, Tân Phương); Thanh Ba (Hoàng Cương - Mạn Lạn); Thanh Sơn (Lương Nha, Tỉnh Nhuệ).

- Giai đoạn 2016 - 2020:

Phát huy năng lực sản xuất của giai đoạn trước; nâng công suất đầu tư ở một số cơ sở có tiềm năng nhằm mục tiêu đạt sản lượng như dự báo.

g) Gạch ốp lát và sứ vệ sinh:

- Giai đoạn đến 2015:

+ Các cơ sở sản xuất gạch ceramic trên địa bàn tỉnh phát huy năng lực sản xuất để đạt sản lượng 9,0 - 10 triệu m²/năm.

+ Công ty sứ Việt Trì VIGLACERA tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất để ổn định sản lượng 400 sản phẩm/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

Duy trì sản xuất của các cơ sở sản xuất đã có, mở rộng sản xuất gạch ceramic của công ty gốm sứ Thanh Hà để nâng công suất từ 1 triệu m²/năm lên 3 triệu m²/năm.

h) Men gốm sứ:

- Giai đoạn đến 2015:

Dự kiến xây dựng mới cơ sở sản xuất men để đáp ứng nhu cầu men cho sản xuất gốm sứ xây dựng và tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

Đầu tư nhà máy công suất 10.000 tấn/năm tại Thanh Thủy.

i) Bê tông cầu kiện:

- Tiếp tục duy trì và đầu tư chiều sâu cho cơ sở hiện có. Đầu tư xây dựng mới cơ sở sản xuất thuộc cụm công nghiệp huyện Lâm Thao, công suất đầu tư 50.000m³/năm và cụm công nghiệp Thanh Ba với công suất 50.000m³/năm.

- Đa dạng hóa sản phẩm bê tông, nâng cao chất lượng bê tông, nghiên cứu sản phẩm bê tông mác cao (mác 400, 600, 800), các loại bê tông nhẹ, bê tông cầu kiện, bê tông tươi cho các nhu cầu xây dựng.

k) Thanh nhôm định hình:

- Giai đoạn đến 2015: Tiếp tục duy trì sản lượng, từng bước nâng công suất nhà máy và đa dạng hóa sản phẩm của cơ sở sản xuất hiện có.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Đầu tư mở rộng sản xuất của Công ty nhôm Sông Hồng để nâng công suất lên 12 ngàn tấn/năm.

l) Gỗ ván ép:

- Giai đoạn đến 2015:

+ Duy trì sản lượng của các cơ sở trên địa bàn các huyện.

+ Thu hút đầu tư mới dây chuyền sản xuất gỗ ván ép thanh và các sản phẩm từ ván ghép thanh tại khu công nghiệp Trung Hà với công suất 10.000 ÷ 15.000m³ gỗ/năm và huyện Tam Nông với công suất 5.000 ÷ 8.000m³/năm.

- Giai đoạn 2016 - 2020:

- Ổn định sản xuất và đa dạng hóa sản phẩm của các cơ sở hiện có.

+ Tiếp tục thu hút đầu tư dự án trong giai đoạn 2012 - 2015 chưa đầu tư.

m) Bột canxit:

- Giai đoạn đến 2015: Tiếp tục ổn định sản xuất, đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, giảm chi phí nhiên liệu, năng lượng để hạ giá thành sản phẩm.

- Giai đoạn 2016 - 2020: Đầu tư mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất của cơ sở hiện có lên 20 ngàn tấn/năm.

n) Kính xây dựng, kính dán an toàn:

Đầu tư xây dựng mới cơ sở sản xuất kính xây dựng tại Cụm công nghiệp huyện Lâm Thao, công suất đầu tư 50.000m²/năm; tại khu công nghiệp Thụy Vân, công suất 70.000m²/năm.

o) Khai thác và chế biến kaolin, feldspat:

- Giai đoạn đến 2015:

+ Ổn định sản lượng khai thác, chế biến ở các mỏ đã được cấp phép.

+ Thu hút đầu tư mới 5 cơ sở khai thác kaolin - felspat với sản lượng khoảng 150 ngàn tấn/năm tại các xã Giáp Lai, Thạch Khoán (Thanh Sơn); 2 cơ sở tại xã Bằng Luân (Đoan Hùng); xã Dị Nậu, xã Thọ Văn (Tam Nông).

- Giai đoạn 2016 - 2020:

+ Duy trì sản lượng ở các cơ sở khai thác hiện có.

+ Đầu tư mới 8 cơ sở khai thác với sản lượng khoảng 150 ngàn tấn/năm. Địa điểm tại xã Thắng Sơn, xã Hùng Sơn, huyện Thanh Sơn; Gò Gai, thị xã Phú Thọ; Gò Bông, Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng; Đan Hà, Hà Lương, Gia Diên, huyện Hạ Hoà; Tiên Lương, huyện Cẩm Khê.

p) Định hướng phát triển một số vật liệu khác:

- Cửa nhựa: Trong giai đoạn 2012 - 2020, dự kiến duy trì sản xuất của Công ty cổ phần nhựa cao cấp và xây dựng tại thành phố Việt Trì; công suất 60.000m² cửa các loại/năm.

- Vật liệu composit: Trong giai đoạn 2012 - 2020, dự kiến quy hoạch 1 cơ sở sản xuất vật liệu composit ở khu công nghiệp Trung Hà.

- Vật liệu cách âm, cách nhiệt và sơn xây dựng: Trong giai đoạn 2012 - 2020, dự kiến quy hoạch 1 cơ sở sản xuất vật liệu cách âm, cách nhiệt với công suất 1 triệu m²/năm và 1 cơ sở sản xuất sơn xây dựng ở khu công nghiệp Tam Nông.

q) Một số sản phẩm khác: Thu hút đầu tư nhà máy sản xuất vữa khô trộn sẵn, nhà máy vôi thương phẩm vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.2. Phân bố cơ sở sản xuất VLXD đến năm 2020:

- Khu vực Việt Trì (sản xuất VLXD tổng hợp): Cát xây, tấm lợp Fibro - xi măng, tấm lợp PVA, gạch ốp lát, sứ vệ sinh, men sứ, kính dán an toàn, thanh nhôm định hình, bột canxit.

- Khu vực Thanh Ba (sản xuất xi măng và vật liệu xây): Xi măng, gạch đất nung và không nung, bê tông.

- Khu vực thị xã Phú Thọ: Gạch ốp lát, gạch đất nung.

- Khu vực huyện Thanh Sơn: Đá xây dựng, khai thác kaolin - felspat, khai thác cát, sỏi sông Đà, sông Bứa.

- Khu vực huyện Yên Lập: Đá xây dựng, vật liệu xây.

- Khu vực huyện Đoan Hùng: Đá xây dựng, cát sỏi.

- Khu vực huyện Thanh Thủy: Khai thác và chế biến kaolin-felspat, cát sỏi sông Đà, xi măng, vật liệu xây.

Các huyện còn lại chủ yếu tập trung sản xuất một số sản phẩm VLXD có thể mạnh như Tam Nông - khai thác kaolin-felspat, sản xuất gạch nung; huyện Hạ Hòa - sản xuất gạch nung, khai thác cát sỏi sông Hồng v.v...

2.3. Nhu cầu vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 là 2.108 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2012 - 2015 là 1.873 tỷ đồng; giai đoạn 2016 - 2020 là 235 tỷ đồng (đầu tư nhà máy xi măng Yên Mao khoảng 900 tỷ đồng).

- Nguồn vốn đầu tư: Các dự án đầu tư sản xuất VLXD nói chung không thuộc phạm vi điều chỉnh của nguồn vốn ngân sách, vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước cũng như vốn thuộc quỹ hỗ trợ đầu tư Quốc gia. Nguồn vốn chủ yếu là vốn cổ phần (huy động bằng cổ phiếu; liên doanh liên kết đầu tư), vốn vay tín dụng thương mại theo cơ chế tự vay tự trả. Ngoài ra, còn vốn của các doanh nghiệp (vốn tích lũy lợi nhuận sau thuế, vốn khấu hao cơ bản, vốn tự huy động).

3. Các giải pháp chủ yếu:

a) Đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư và điều tra cơ bản để phục vụ cho yêu cầu phát triển vật liệu xây dựng:

- Duy trì công tác điều tra cơ bản về phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng nhằm kịp thời điều chỉnh các số liệu bất cập với nhu cầu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Tiếp tục tiến hành điều tra, khảo sát các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng, nhất là nguồn sét đồi để xây dựng cụm khai thác và cung cấp nguyên liệu sét lâu dài cho các nhà máy sản xuất gạch nung đã hết nguyên liệu trong các khu vực lân cận.

- Phát triển các nguồn năng lượng, nhiên liệu để cung cấp cho sản xuất vật liệu xây dựng. Sản xuất vật liệu xây dựng liên quan đến nhiều ngành kinh tế quốc dân, trước hết là ngành năng lượng (nguồn điện, dầu, than...) và giao thông vận tải.

b) Huy động nguồn lực: Đẩy mạnh thu hút nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các nguồn vốn từ các chương trình dự án. Tăng cường huy động các nguồn vốn thông qua các hình thức thu hút đầu tư trực tiếp, hợp tác, liên kết, liên doanh của các tập đoàn, các công ty lớn. Sử dụng các công cụ huy động vốn mới trên thị trường tài chính, thị trường chứng khoán và thị trường tiền tệ như phát hành trái phiếu, tín phiếu với sự đảm bảo bằng ngân sách của tỉnh, của Chính phủ cho các công trình trọng điểm trên địa bàn. Áp dụng việc đầu tư trực tiếp từ các tổ chức ngân hàng, bảo hiểm,... vào công nghiệp như một thành viên góp vốn. Sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả thông qua việc tập trung đầu tư có trọng điểm những dự án lớn để nhanh chóng đưa vào hoạt động.

c) Chú trọng tới công tác đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, công nhân kỹ thuật phục vụ cho nhu cầu phát triển sản xuất và nghiên cứu vật liệu xây dựng tiếp cận được với sự phát triển của khoa học kỹ thuật vật liệu xây dựng thế giới. Đặc biệt là những công nghệ và thiết bị để sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp, vật liệu mới. Để chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển cần thực hiện những giải pháp sau:

- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho giai đoạn đến năm 2020. Tập trung vào đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật, đồng thời có kế hoạch đào tạo đội ngũ quản lý và các chủ doanh nghiệp các kiến thức về quản lý kinh tế, về sản xuất kinh doanh, hội nhập, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động trong cạnh tranh và hội nhập.

- Đa dạng hóa và mở rộng các hình thức hợp tác trong đào tạo nguồn nhân lực nhằm đảm bảo cho lao động đào tạo được sử dụng đúng với chương trình đã đào tạo. Kết hợp đào tạo nghề dài hạn để có đội ngũ công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ lành nghề đủ khả năng tiếp cận và sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, công nghệ hiện đại với việc mở rộng loại hình đào tạo nghề ngắn hạn tạo các cơ hội cho người lao động đều được học nghề.

d) Đẩy mạnh việc liên doanh, liên kết, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu vật liệu xây dựng:

- Đẩy mạnh liên doanh, liên kết giữa Phú Thọ và các tỉnh trong khu vực để hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm vật liệu xây dựng, đảm bảo cho sản xuất ổn định và lưu thông trên thị trường.

- Tổ chức tốt công tác quy hoạch các khu trung tâm thương mại, các địa điểm được phép kinh doanh vật liệu xây dựng nhằm tạo điều kiện cho việc lưu thông, cung ứng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Quan tâm hơn nữa đến thị trường khu vực nông thôn. Ngoài các sản phẩm vật liệu xây dựng thông thường là nhu cầu về chủng loại vật liệu xây dựng trang trí và hoàn thiện cao cấp.

e) Tăng cường công tác quản lý Nhà nước:

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất tại các Khu, Cụm công nghiệp và kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành, thị.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế chính sách về giao đất, hỗ trợ bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo cơ chế thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước có năng lực tài chính đầu tư vào lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi về tài chính, thuế, đất đai đối với những dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản vật liệu xây dựng quy mô công nghiệp và có ứng dụng công nghệ mới nhằm thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực hoạt động khoáng sản phục vụ nhu cầu phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng chính sách sử dụng, kinh doanh khoáng sản vật liệu xây dựng và các sản phẩm chế biến từ các khoáng sản đó bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích xã hội và lợi ích của các nhà đầu tư, đồng thời nâng cao giá trị của khoáng sản.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và sự phối hợp có hiệu quả của các cấp, các ngành.

e) Các giải pháp phục hồi môi trường, phát triển bền vững:

Các dự án đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng cần phải có đánh giá tác động môi trường, đánh giá kỹ hiện trạng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đề xuất các giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường, bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật trình cấp có thẩm quyền thông qua chấp thuận và nghiệm chỉnh thực hiện theo các giải pháp đã được đề xuất, ký quỹ phục hồi môi trường. Một số giải pháp cụ thể như sau:

- Đối với tài nguyên đất: Giảm diện tích đất đai, đẩy lùi niên hạn sử dụng đất đối với các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản để nhanh chóng phục hồi đất để trả lại cho sản xuất nông nghiệp và các hoạt động khác với các yêu cầu sau:

+ Việc khai thác khoáng sản cần hạn chế sử dụng đất đai với mức thấp nhất.

+ Trong quá trình xây dựng và khai thác mỏ phải đảm bảo thời gian giữa giai đoạn khai thác và giai đoạn phục hồi là ngắn nhất, phần đất đai chiếm dụng để mở khai trường, làm bãi chất thải cần được rút ngắn thời gian sử dụng.

+ Trước khi khai thác phải nghiên cứu toàn diện phần đất trồng (khai thác sét gạch ngói), đưa ra biện pháp lưu trữ, bảo vệ để hoàn trả lại sau khi khai thác.

- Đối với môi trường nước: Sử dụng các công nghệ và thiết bị sản xuất tiên tiến lắp đặt hệ thống xử lý nước thải từ việc khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng đáp ứng yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định.

- Đối với môi trường khí: Tuỳ từng phương án khai thác, sản xuất để đưa ra phương pháp xử lý giảm thiểu lượng khói bụi trong sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thải ra môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

- Công bố công khai quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành, thị tổ chức triển khai, thực hiện và phổ biến quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng cho các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nắm được chủ trương phát triển sản xuất vật liệu xây dựng từ nay đến 2020; tổ chức chỉ đạo các địa phương triển khai phát triển sản xuất theo các định hướng quy hoạch đã được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tuyên truyền về hiệu quả kinh tế kỹ thuật trong sử dụng các sản phẩm mới như gạch bê tông nhẹ, gạch block, vật liệu cách âm, cách nhiệt,....

- Chủ trì hoạch định chiến lược dự báo và điều chỉnh quy hoạch vật liệu xây dựng trên địa bàn, đồng thời đề xuất và tổ chức triển khai xây dựng các điều lệ, chế độ, chính sách liên quan đến sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất vật liệu xây dựng đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan nghiên cứu chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các dự án đầu tư về vật liệu xây dựng phát triển.

- Không cấp phép đầu tư mới cho các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có công nghệ lạc hậu, không tiết kiệm nguyên nhiên liệu trong sản xuất và không có phương án bảo vệ môi trường.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: Theo dõi, tổng hợp kết quả điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường nhằm phục vụ cho công tác thăm dò, khai thác đối với các khoáng sản sét, gạch ngói, Kaolin-felspat, đá và cát xây dựng, đá vôi xi măng, sét xi măng... trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Tổ chức các hoạt động khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, giới thiệu và phổ biến công nghệ hiện đại của thế giới.
- Phối hợp với Sở Xây dựng tuyên truyền về hiệu quả kinh tế kỹ thuật trong sử dụng các sản phẩm mới như gạch bê tông nhẹ, gạch block, vật liệu cách âm, cách nhiệt...

5. Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch và thực hiện nâng cấp các tuyến giao thông tới các Khu công nghiệp phù hợp với quy hoạch từng thời kỳ.
- Đầu tư nâng cấp các cảng, hệ thống đường giao thông phục vụ cho việc vận chuyển vật tư nguyên liệu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.
- Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm đối với việc vận chuyển hàng hóa vi phạm các quy định về an toàn giao thông.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị có trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Xây dựng quản lý, chỉ đạo các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây dựng theo đúng quy hoạch, đảm bảo đồng bộ và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.
- Chỉ cho phép các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn khi việc đầu tư này phù hợp với định hướng của quy hoạch vật liệu xây dựng.

7. Các doanh nghiệp sản xuất và khai thác chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng có trách nhiệm: Thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật hiện hành; định kỳ hàng năm báo cáo bằng văn bản tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị về Sở Xây dựng theo chức năng quản lý ngành và các cơ quan có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Quang Thao (Đã ký)

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 12/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2012
của UBND tỉnh Phú Thọ)

A - Bảng tổng hợp các phương án Quy hoạch công nghiệp vật liệu xây dựng tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2012 - 2020:

Số TT	Tên cơ sở	ĐV tính	Địa điểm đầu tư	Năm 2015	Năm 2020	Ghi chú
	I - Xi măng	1000 tấn		2.210	3.610	
1	Công ty cổ phần xi măng Phú Thọ	“	Thanh Ba - Phú Thọ	700	700	
2	Công ty cổ phần xi măng Sông Thao	“	Thanh Ba - Phú Thọ	910	2.000	
3	Công ty cổ phần phát triển Hùng Vương - Cơ sở Việt Trì - Cơ sở Yên Mao	“	- Khu công nghiệp Thụy Vân - Xã Yên Mao - huyện Thanh Thủy	100 500	910	Chuyển dần Việt Trì sang Yên Mao
	II - Vật liệu xây	Tr.V		1047	1.267	
	II.1. Huyện Phù Ninh					
1	Cty cổ phần gốm xây dựng Phong Châu	“	Xã An Đạo	10	10	tuynel
2	Công ty xây lắp điện nước Việt Trì	“	Xã An Đạo	10	10	tuynel
3	Sản xuất công nghiệp liên tục kiểu đứng	“	Ở các xã	30	30	Sau 2020 chuyển đổi công nghệ tiên tiến hơn
4	Sản xuất công nghệ tuynel		Xã Tiên Du	10	15	Đầu tư xây dựng mới
	Tổng			60	65	
	II.2. Huyện Thanh Thủy					
1	Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Nam Sơn	“	Xã Xuân Lộc	30	30	Tuynel
2	Nhà máy gạch tuynel Thanh Phương	“	Xã Tân Phương	10	20	Nâng công suất
3	Doanh nghiệp tư nhân Phúc Hưng	“	Xã Hoàng Xá	10	10	Tuynel
4	Sản xuất công nghiệp liên tục kiểu đứng	“	Ở các xã	28	28	Sau 2020 chuyển đổi công nghệ tiên tiến
5	Công ty cổ phần gạch, ngói Sông Đà (tuynel)	“	Xã Yên Mao	20	20	Đang xây dựng
6	Doanh nghiệp tư nhân	“	Xã Tân Phương	20	20	Đầu tư xây

	Thành Hưng (Tuynel)					dựng mới
7	Công ty cổ phần đầu tư sản xuất và thương mại Hà Thành (tuynel)	“	Xã Đào Xá	20	20	Đầu tư xây dựng mới
8	Gạch không nung		Ở các xã	-	25	
	Tổng			138	173	
	II.3 Huyện Hạ hoà					
1	Nhà máy gạch tuynel Hạ Hoà	“	Xã Phụ Khánh	18	20	Nâng công suất
2	Sản xuất công nghệ tuynel	“	Xã Vô Tranh Xã Minh Côi	10 10	10 10	Dự kiến đầu tư
3	Sản xuất công nghệ liên tục kiểu đứng		Ở các xã	40	40	Sau 2020 chuyển đổi công nghệ tiên tiến hơn
	Tổng			78	80	
	II.4. Huyện Thanh Ba					
4	Công ty TNHH Habeco	“	Xã Vũ Yên	15	15	Tuynel
5	Công ty cổ phần sản xuất vật liệu XD Hoàng Gia	“	Xã Yên Khê	30	30	Tuynel
6	Công ty TNHH Nguyên Bình	“	Xã Ninh Dân	10	10	Xây dựng mới lò Tuynel
7	Công ty TNHH Anh Ngọc	“	Xã Lương Lỗ	10	10	Xây dựng mới lò Tuynel
8	Sản xuất công nghệ liên tục kiểu đứng	“	Ở các xã	20	20	Sau 2020 chuyển đổi sang công nghệ tiên tiến hơn
9	Sản xuất gạch không nung	“	Xã Ninh Dân; Xã Lương Lỗ		8 7	
	Tổng			85	100	
	II.5. Thị xã Phú Thọ					
1	Công ty cổ phần Hà Thạch (tuynel)	“	Xã Hà Thạch	15	20	Nâng công suất
2	Sản xuất công nghệ tuynel	“	Xã Văn Lung	10	15	Dự kiến đầu tư
3	Sản xuất công nghệ tuynel	“	Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Thanh Minh	5	15	Dự kiến đầu tư
4	Sản xuất công nghệ liên tục kiểu đứng	“	Ở các xã	5	5	Ngừng sản xuất sau 2020

5	Sản xuất gạch không nung		Xã Hà Thạch	10	20	Dự kiến đầu tư
Tổng				45	75	
II.6. Huyện Tam Nông						
1	Nhà máy gạch tuynel Hương Nộn	“	Xã Hương Nộn	10	20	Nâng công suất
2	Nhà máy gạch tuynel Sông Vàng	“	Xã Quang Húc	10	10	Đang hoạt động
3	Công ty cổ phần gốm xây dựng Ba Triệu		Xã Cổ Tiết	10	10	
4	Sản xuất công nghệ liên tục kiểu đứng		Ở các xã	6	6	Sau 2020 chuyển đổi công nghệ tiên tiến hơn
5	Sản xuất công nghệ tuynel		Xã Thượng Nông	20	20	Dự kiến đầu tư
6	Nhà máy gạch tuynel Thanh Uyên		Xã Thanh	20	20	Đang xây dựng
7	Gạch không nung	“	Xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông	Đang đầu tư	50	2 dây chuyền
Tổng				76	136	
II.7. Thành phố Việt Trì						
1	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà Phú Thọ	“	Thành phố Việt Trì	17	-	Nằm trong quy hoạch xây dựng
2	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Nội Thành	“	Xã Thụy Vân	10	10	
3	Sản xuất công nghệ liên tục kiểu đứng	“	Ở các xã	25	-	
4	Gạch không nung	“	Khu công nghiệp Bạch Hạc	20	40	
Tổng				72	50	
II.8. Huyện Cẩm Khê						
1	Doanh nghiệp tư nhân Quyết Thắng (Tuynel)	“	Thị trấn Sông Thao	20	20	Nâng cấp
2	Doanh nghiệp tư nhân Hà Bích (tuynel)	“	Xã Phú Khê	10	10	Nâng cấp
3	Công ty TNHH Thuận Thắng (Tuynel)	“	Xã Phú Khê	10	10	Nâng cấp
4	Sản xuất công nghệ liên tục kiểu đứng		Ở các xã	60	60	Sau 2020 chuyển đổi công

						nghệ tiên tiến hơn
5	Sản xuất công nghệ tuynel	“	Xã Tuy Lộc Xã Tiên Lương Xã Cấp Dẫn		10 10 10	Dự kiến đầu tư
6	Sản xuất gạch không nung		Xã Sơn Tinh Xã Phùng Xá	10	20	Dự kiến đầu tư
	Tổng			110	150	
	II.9. Huyện Lâm Thao					
1	- Công ty cổ phần xây dựng, vận tải và thương mại Đại Dương - Công ty cổ phần Toàn Đức - Công ty cổ phần Kiến Thành - Công ty TNHH Chiến Thắng		Xã Tứ Xã Xã Kinh Kệ Xã Cao Xá Xã Vĩnh Lại	40	40	Sản xuất Tuynel
2	Công ty TNHH Hải Dũng	“	Xuân Lũng	10	10	Đang xây dựng
3	Sản xuất công nghệ liên tục kiểu đứng	“	Ở các xã	100	100	Sau 2020 chuyển đổi công nghệ tiên tiến hơn
4	Sản xuất gạch không nung		Cụm công nghiệp	30	50	Dự kiến đầu tư
	Tổng			180	200	
	II.10. Huyện Thanh Sơn					
1	Sản xuất công nghệ Tuynel - Công ty TNHH Hoàng Việt - Các cơ sở khác: -	“	Thị trấn Thanh Sơn, Xã Yên Lãng Xã Thạch Khoán	10 20 20	15 20 20	Đang hoạt động Xây dựng mới Xây dựng mới
2	Sản xuất công nghệ liên tục kiểu đứng		Ở các xã	16	16	Sau 2020 chuyển đổi công nghệ tiên tiến hơn
	Tổng			56	71	
	II.11. Huyện Tân Sơn					
1	Sản xuất gạch không nung		Xã Tân Phú; xã Thu Cúc (02 Dây chuyền)	20	20	Dự kiến đầu tư
2	Sản xuất công nghệ tuynel	“	Xã Thu Cúc	10	20	Dự kiến đầu tư
	Tổng			30	40	

II.12. Huyện Yên Lập						
1	Sản công nghệ tuynel	“	Xã Mỹ Lung	15	15	Dự kiến đầu tư
2	Sản xuất công nghệ liên tục kiểu đứng	“	Xã Ngọc Lập	10	10	Sau 2020 chuyển đổi công nghệ tiên tiến hơn
			Xã Đồng Thịnh	12	12	
3	Sản xuất gạch không nung		Một số xã	5	15	
Tổng				42	52	
II.13. Huyện Đoan Hùng						
1	- Công ty TNHH Phú Giang - Cơ sở đầu tư mới	“	Thị trấn Đoan Hùng Xã Tiêu Sơn	15 30	15 30	Tuynel
2	Sản xuất công nghệ liên tục kiểu đứng		Ở các xã	30	30	Sau 2020 chuyển đổi công nghệ tiên tiến hơn
Tổng				75	75	
III. Vật liệu lợp		Tr.m²		6,5	6,5	
1	1. Nhà máy tấm lợp Đông Anh - ĐH	“	Huyện Đoan Hùng	5	5	
2	2. Nhà máy tấm lợp tại Bạch Hạc	“	Thành phố Việt Trì	0,5	0,5	
3	3. Tấm lợp cốt liệu PVA		Thành phố Việt Trì	1	1	
IV. Đá xây dựng		1000 m³		1.155	1.265	
IV.1. Huyện Tân Sơn						
1	Mô xóm Chiềng Mô xóm Giác Mô xóm Bận Mô xóm Quế	“	Xã Thu Cúc	100	150	
IV.2. Huyện Thanh Sơn						
1	Mô Núi Hương; Yên Lương; Hương Cản, Nương Đỗ, Dốc Kẹm, Hang Moong, Nước Hang, Hang nước, Xóm Lèo;	“	Xã Cự Đồng Xã Yên Lương Xã Hương Cản	35 45 150	35 45 150	

	Xóm Pheo; Xóm Sụ		Xã Yên Lãng Xã Cự Thắng	45	45 50	
	IV.3. Huyện Phù Ninh					
1	Mỏ Trị Quận	“	Xã Trị Quận	50	50	
	IV.4. Huyện Yên Lập					
1	Hang Nắng, Núi Giường, Hang Đùng, Đá Bàn 2	“	Ngọc Lập	150	150	
	Hang Chuột, Xóm Đình, Hang Đơn, Mèo Gù		Phúc Khánh	60	60	
	Mỏ Nhà Xe		Mỹ Lương, Mỹ Lung	50	50	
	Mỏ Xóm Dừng		Trung Sơn	45	45	
	Mỏ Hang Dơi		Hưng Long	30	30	
	Xóm Nứa		Xã Xuân Thủy	50	60	
	IV.5. Huyện Đoan Hùng					
1	Hang Khay, Gò Thanh, Núi Vôi (Lã Hoàng)	“	Chí Đám	100	100	
	Núi Hìn		Phú Thử	30	30	
	Tiêu Sơn		Tiêu Sơn	45	45	
	IV.6. Huyện Tam Nông					
1	Mỏ Thọ Văn	“	Xã Thọ Văn	25	25	
	IV.7. Huyện Cẩm Khê					
1	Mỏ Gò Heo		Xã Xương Thịnh, Sơn Tinh	80	80	
	IV.8. Huyện Thanh Thủy					
1	Mỏ Xuân Lộc		Xã Xuân Lộc	25	25	
	IV.9. Huyện Hạ Hoà					
1	Mỏ Quân Khê		Xã Quân Khê	50	50	
	V. Cát sỏi	1000 m³		2.100	2.500	
	Sông Lô, Sông Chảy					
	Duy trì hoạt động của tất cả các mỏ đã có trữ lượng được phê duyệt trên toàn tuyến. Hình thành các khu vực (Cơ sở) chế biến và kinh doanh tập trung theo từng địa bàn, cụ thể:					
1	02 cơ sở	“	Thành phố Việt Trì	200	200	
2	02 cơ sở	“	Huyện Phù Ninh	200	200	
3	03 cơ sở	“	Huyện Đoan Hùng	170	200	

Sông Đà						
1	01 cơ sở sản xuất và kinh doanh	“	Xã Hồng Đà - huyện Tam Nông	30	50	
2	Hình thành 03 cơ sở chế biến, kinh doanh	“	Huyện Thanh Thủy	350	500	
3	01 cơ sở	“	Huyện Thanh Sơn	100	100	
Sông Hồng						
1	02 cơ sở sản xuất và kinh doanh	“	Thành phố Việt Trì	200	200	
2	04 cơ sở sản xuất và kinh doanh	“	Huyện Lâm Thao	300	400	
3	02 cơ sở sản xuất và kinh doanh	“	Huyện Tam Nông	100	100	
4	02 cơ sở sản xuất và kinh doanh	“	Thị xã Phú Thọ	100	100	
5	02 cơ sở sản xuất và kinh doanh	“	Huyện Thanh Ba	100	150	
6	02 cơ sở sản xuất và kinh doanh	“	Huyện Cẩm Khê	100	100	
7	03 cơ sở sản xuất và kinh doanh	“	Huyện Hạ Hoà	150	200	
	VI. Gạch ốp lát	1000 m³		10.000	12.000	
1	Công ty cổ phần gốm sứ Thanh Hà	“	Phường Phong Châu thị xã Phú Thọ	1000	3000	Đầu tư mở rộng
2	Công ty cổ phần gốm sứ CTH	“	Xã Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ	3000	3000	
3	Cty công nghiệp bê tông và vật liệu xây dựng (CMC)	“	Thành phố Việt Trì	5000	5000	
4	Đầu tư mới		Huyện Lâm Thao	1000	1000	
	VII. Sứ vệ sinh	1000 sp		400	400	
1	Công ty sứ Việt Trì VIGLACERA	“	Thành phố Việt Trì	400	400	
	VIII. Men gốm sứ	1000 tấn		8	10	
1	Khu công nghiệp Thanh Thủy	“		8	10	
	IX. Thanh nhôm	1000 tấn		9	12	

	định hình					
1	Công ty nhôm Sông Hồng	“		9	12	Đầu tư mở rộng
	X. Gỗ ván ép	1000 m²		72	75	
1	Công ty cổ phần sản xuất thương mại gỗ Hoàng Gia		Cẩm Khê	10	10	
2	Công ty cổ phần và thương mại Hà Thành		Khu công nghiệp Thụy Vân	30	30	
3	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Kiều Thi		Phù Ninh	12	12	
4	Gỗ ván ép		Huyện Tam Nông	15	15	Đầu tư mới
5	Gỗ ván ép thanh	“	Khu công nghiệp Trung Hà	5	8	Đầu tư mới
	XI. Bột canxit	1000 tấn		12	12	
1	Công ty que hàn và xây lắp cơ khí	“	Khu công nghiệp Việt Trì	12	20	Đầu tư mở rộng
	XII. Kính xây dựng	1000 tấn		50	120	
1	Khu công nghiệp Thụy Vân	“	Thành phố Việt Trì	-	70	Đầu tư mới
2	Cụm công nghiệp Lâm Thao		Huyện Lâm Thao	50	50	Đầu tư mới
	XIII. Bê tông cấu kiện	1000 m³		110	110	
1	Công ty khai thác và kinh doanh cát sỏi Sông Lô	“	Thành phố Việt Trì	30	35	Duy trì sản xuất
2	Cụm công nghiệp Lâm Thao	“	Huyện Lâm Thao	30	30	Đầu tư mới
3	Cụm công nghiệp Thanh Ba	"	Huyện Thanh Ba	50	50	Đầu tư mới
	XIV. Vật liệu khác					
1	Cửa nhựa	1000 m ²	Việt Trì	60	60	Duy trì sản xuất
2	Sơn xây dựng, vật liệu cách âm, cách nhiệt		Khu công nghiệp Tam Nông			Dự kiến đầu tư
3	Vật liệu Composit		Khu công nghiệp Trung Hà			Dự kiến đầu tư
4	Vữa xây dựng khô		Khu công nghiệp Trung Hà			Dự kiến đầu tư

5	Vôi thương phẩm		Khu công nghiệp Trung Hà			Dự kiến đầu tư
---	-----------------	--	--------------------------	--	--	----------------

B - Giá trị sản xuất vật liệu xây dựng chính đến năm 2020:

Chủng loại vật liệu xây dựng	ĐV tính	Năm 2015	Năm 2020
1. Xi măng	1000 tấn	2.210	3.610
2. Vật liệu xây	Tr.V	1.047	1.267
3. Vật liệu lợp	Trm ²	6,5	6,5
4. Đá xây dựng	1.000m ³	1.155	1.265
5. Cát, sỏi	1.000m ³	2.100	2.500
6. Gạch ốp lát	1.000m ²	10.000	12.000
7. Sứ vệ sinh	1.000 SP	400	400
8. Men gốm sứ	1.000 tấn	8	10
9. Thanh nhôm định hình	1.000 tấn	9	12
10. Gỗ ván ép	1.000m ²	72	75
11. Bột can xit	1.000 tấn	12	12
12. Kính xây dựng	1.000m ²	50	120
13. Bê tông cấu kiện	1.000m ³	110	110
14. Vật liệu khác - Cửa nhựa - Vật liệu mới: + Vật liệu cách âm, cách nhiệt; + Vật liệu Composit + Vữa khô + Vôi thương phẩm	1.000m ²	60	60

C - Bảng nhu cầu vốn đầu tư phát triển:

TT	Danh mục đầu tư	Vốn đầu tư (tỷ đồng)	
		2015	2020
1	Xi măng	900	-
2	Các cơ sở sản xuất vật liệu xây	858	30
3	Các cơ sở khai thác đá	20	20
4	Các cơ sở khai thác cát	40	40
5	Nhà máy sản xuất gỗ ván ép	25	-

6	Nhà máy sản xuất kính an toàn	30	50
7	Mở rộng Nhà máy sản xuất nhôm định hình	-	15
8	Nhà máy sản xuất men gốm sứ	-	65
9	Đầu tư nâng cấp NM gốm sứ Thanh Hà	-	15
Tổng		1.873	235

D. Bảng nhu cầu nguyên nhiên liệu, năng lượng cho sản xuất các loại vật liệu xây dựng chính đến năm 2020:

Chủng loại	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2020
Than	1.000 tấn	78	98
Điện	Tr.KWh	87	115
Đá vôi xi măng	1.000 tấn	3.125	4.375
Sét xi măng	1.000m ³	750	1.100
Sét gạch ngói	1.000m ³	1.185	1.375

E. Bảng nhu cầu nhân lực tăng thêm cho ngành vật liệu xây dựng đến năm 2020:

TT	Chủng loại	Năm 2015	Năm 2020
1	Xi măng	350	-
2	Vật liệu xây	1.353	885
3	Khai thác đá, cát	175	175
4	Kính dán an toàn	-	250
5	Men gốm sứ	-	150
6	Các nhà máy nâng cấp		150
Tổng		1.878	1.610